BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

THÔNG TƯ
Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên

Căn cứ Luật Giáo dục số .../2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà giáo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ làm việc đối với giáo viên giảng dạy tại trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, bao gồm: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, định mức tiết dạy, chế độ giảm định mức tiết dạy và quy đổi các hoạt động khác ra tiết dạy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với giáo viên giảng dạy và giáo viên giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (bao gồm giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương) ở trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

2. Giáo viên giảng dạy ở trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên và giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề.

Điều 3. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc

1. Định mức tiết dạy được xác định đối với giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên và định mức giờ chuẩn giảng dạy được xác định đối với giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề được gọi chung là định mức tiết dạy tại Thông tư này.

2. Thời gian làm việc của giáo viên thực hiện theo năm học và được quy đổi thành tiết dạy, bao gồm số tiết dạy trong 01 năm học và số tiết dạy trung bình trong 01 tuần theo định mức tiết dạy quy định tại Điều 6 Thông tư này. Thời gian làm việc của giáo viên giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bảo đảm 40 giờ/tuần, trong đó bao gồm số tiết giảng dạy đối với giáo viên giữ chức vụ giám đốc, phó giám đốc theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên phải bảo đảm quy định về định mức tiết dạy, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, công bằng giữa các giáo viên trong cùng trung tâm; phù hợp với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, các hoạt động giáo dục của trung tâm. Trường hợp phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm, giám đốc ưu tiên phân công kiêm nhiệm đối với giáo viên dạy chưa đủ định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần và bảo đảm giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Căn cứ kế hoạch giáo dục, thực trạng đội ngũ và định mức tiết dạy trong 01 năm học, giám đốc phân công giáo viên giảng dạy theo định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần. Trường hợp phải phân công giáo viên dạy vượt định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần (bao gồm cả tiết dạy quy đổi đối với các nhiệm vụ kiêm nhiệm) thì tổng số tiết dạy vượt trong 01 tuần không quá 50% định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần, tổng số tiết dạy vượt trong 01 năm học không quá số tiết dạy thêm giờ tối đa được chi trả theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tổng số tiết được giảm và quy đổi trong 01 tuần đối với các nhiệm vụ kiêm nhiệm của giáo viên không quá 50% số tiết dạy trung bình trong 01 tuần quy định tại Điều 6 Thông tư này (không bao gồm số tiết được giảm đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác bí thư đoàn hoặc trợ lý thanh niên, cố vấn đoàn, phó bí thư đoàn cấp trung tâm).

5. Đối với các nhiệm vụ nếu đã được nhận tiền thù lao hoặc tiền phụ cấp thì không được giảm định mức tiết dạy hoặc quy đổi ra tiết dạy trừ trường hợp kiêm nhiệm Bí thư Đoàn, Phó bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; trưởng phòng và phó trưởng phòng các phòng chức năng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc tổ trưởng và tổ phó tổ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm (sau đây gọi chung là trưởng phòng và phó trưởng phòng).

6. Giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục nào thì thực hiện định mức tiết dạy quy định đối với giáo viên đó theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trường hợp giáo viên vừa được phân công giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên và chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề thì thực hiện định

mức tiết dạy quy định đối với chương trình giáo dục có số tiết dạy nhiều hơn và mỗi tiết dạy được tính bằng 01 tiết định mức.

Chương II
THỜI GIAN LÀM VIỆC, THỜI GIAN NGHỈ HẰNG NĂM VÀ ĐỊNH MỨC TIẾT DẠY

Điều 4. Thời gian làm việc của giáo viên

1. Thời gian làm việc của giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên là thời gian giáo viên thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong năm học không bao gồm thời gian nghỉ hằng năm quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Thời gian làm việc của giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên bao gồm:

a) 37 tuần (bao gồm 35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng) giảng dạy các nội dung trong chương trình giáo dục thường xuyên;

b) 03 tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ;

c) Số tuần thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

3. Thời gian làm việc của giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề bao gồm:

a) 42 tuần giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề;

b) 02 tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ;

c) 02 tuần thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn;

d) Số tuần thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

4. Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách phải điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học thì số tuần giảng dạy thực hiện theo quy định điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên và giáo viên giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ hè của giáo viên thực hiện theo nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục thường xuyên. Thời gian nghỉ hè tối đa 08 tuần, tối thiểu 04 tuần.

Trong thời gian nghỉ hè, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, tham gia công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển

sinh, giảng dạy các lớp theo chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động giáo dục của Trung tâm khi được triệu tập;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trung tâm, giám đốc bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên phù hợp, đúng quy định, bảo đảm khung thời gian năm học.

2. Trường hợp thời gian nghỉ hè và thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ có giai đoạn trùng nhau, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản đủ theo quy định;

b) Thời gian nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản nếu có (trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản);

c) Thời gian nghỉ thêm trong trường hợp thời gian nghỉ hè quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa giáo viên với giám đốc.

3. Trường hợp giáo viên nam được nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, trong thời gian nghỉ chế độ giáo viên nam được tính dạy đủ định mức tiết dạy theo quy định và không phải dạy bù. Trường hợp thời gian nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con của giáo viên nam trùng với thời gian nghỉ hè thì không được nghỉ bù.

4. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Thời gian nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động;

Trường hợp trung tâm có thể bố trí thời gian nghỉ hè (đã bao gồm cả thời gian nghỉ hằng năm) đối với giáo viên giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thì phải quy định tại nội quy, quy chế của trung tâm và phải bố trí linh hoạt thời gian nghỉ hè để bảo đảm các hoạt động của trung tâm diễn ra bình thường và hoàn thành các nhiệm vụ khi các cấp có thẩm quyền giao;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 6. Định mức tiết dạy đối với giáo viên

1. Định mức tiết dạy là tổng số tiết lý thuyết (hoặc thực hành) giảng dạy trực tiếp (hoặc dạy trực tuyến) của mỗi giáo viên phải thực hiện trong 01 năm học.

2. Định mức tiết dạy trong 01 năm học đối với giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên được tính như sau:

$$\text{Định mức tiết dạy trong 01 năm học} = \text{Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần} \times \text{Số tuần thực dạy}$$

Trong đó, định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần là 17 tiết.

3. Định mức tiết dạy trong 01 năm học đối với giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề là từ 450 đến 580 tiết. Giám đốc trung tâm căn cứ vào tình hình thực tế, đặc điểm của từng nghề đào tạo quyết định định mức tiết dạy trong 01 năm học, định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần của từng giáo viên.

Điều 7. Định mức tiết dạy đối với nhà giáo giữ chức vụ giám đốc, phó giám đốc trung tâm

1. Định mức tiết dạy trong 01 năm học của giám đốc, phó giám đốc là nhà giáo giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên được tính như sau:

$$\text{Định mức tiết dạy trong 01 năm học} = \text{Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần} \times \text{Số tuần thực dạy}$$

Trong đó, định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần là 02 tiết đối với giám đốc và 04 tiết đối với phó giám đốc.

2. Định mức tiết dạy trong 01 năm học của giám đốc là giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề là 8% định mức tiết dạy trong 01 năm học của giáo viên dạy nghề. Định mức tiết dạy trong 01 năm học của phó giám đốc là giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề là 10% định mức tiết dạy trong 01 năm học của giáo viên dạy nghề.

Giám đốc trung tâm căn cứ vào tình hình thực tế quy định cụ thể định mức tiết dạy trong 01 năm học, định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần của giám đốc, phó giám đốc theo quy định tại khoản này.

3. Giám đốc, phó giám đốc không được quy đổi chế độ giảm định mức tiết dạy đối với các nhiệm vụ kiêm nhiệm theo quy định tại Điều 8 Thông tư này thay thế cho định mức tiết dạy được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Khi dạy đủ định mức tiết dạy được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, giám đốc, phó giám đốc được áp dụng quy định tại Điều 10 Thông tư này để tính tổng số tiết dạy khi tính số giờ dạy thêm (nếu có).

Chương III

CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC TIẾT DẠY VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA TIẾT DẠY

Điều 8. Chế độ giảm định mức tiết dạy

1. Giáo viên chủ nhiệm lớp học chương trình giáo dục phổ thông, lớp học trình độ sơ cấp nghề, lớp liên kết đào tạo vừa làm vừa học được giảm 04 tiết/tuần. Giáo viên chủ nhiệm các lớp học khác được giảm từ 01 đến 03 tiết/tuần do giám đốc quyết định bằng văn bản. Trường hợp được phân công chủ nhiệm nhiều lớp thì số tiết được giảm là tổng số tiết giảm của các lớp chủ nhiệm bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Giáo viên kiêm nhiệm các vị trí việc làm tại phòng chức năng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc tổ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc tương đương:

a) Kiêm nhiệm trưởng phòng hoặc tổ trưởng được giảm 06 tiết/tuần;

b) Kiêm nhiệm phó trưởng phòng hoặt tổ phó được giảm 05 tiết/tuần;

c) Kiêm nhiệm các vị trí việc làm khác (trừ vị trí việc làm giáo viên) được giảm từ 02 đến 04 tiết/tuần do giám đốc quyết định bằng văn bản. Trường hợp giáo viên kiêm nhiệm nhiều vị trí việc làm thì số tiết được giảm là tổng số tiết giảm của tất cả các vị trí việc làm bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

3. Giáo viên kiêm nhiệm công tác bí thư đoàn hoặc trợ lý thanh niên, cố vấn đoàn, phó bí thư đoàn cấp trung tâm được thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

4. Giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh: Số tiết được sử dụng làm công tác tư vấn học sinh của trung tâm là 08 tiết/tuần. Tổng số tiết giảm của tất cả giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh không cao hơn 08 tiết/tuần. Giám đốc quyết định bằng văn bản số tiết giảm của từng giáo viên được phân công kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh bảo đảm phù hợp với khối lượng công việc được giao kiêm nhiệm.

Điều 9. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với các đối tượng khác

1. Giáo viên trong thời gian tập sự (nếu có) được giảm 02 tiết/tuần.

2. Giáo viên nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được giảm 03 tiết/tuần.

3. Giáo viên trong thời gian đi khám bệnh, chữa bệnh (không vượt quá thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội) được giám đốc đồng ý và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì không phải dạy bù đối với các tiết dạy được phân công theo kế hoạch và số tiết dạy này được tính vào định mức tiết dạy của giáo viên.

Điều 10. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra tiết dạy

1. Quy đổi 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) bằng 01 tiết định mức đối với các hoạt động chuyên môn sau:

a) Dạy liên trường;

b) Dạy học sinh ôn thi tốt nghiệp.

2. Quy đổi 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) không quá 02 tiết định mức đối với hoạt động chuyên môn sau:

a) Báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên do giám đốc hoặc cấp có thẩm quyền tổ chức;

b) Dạy minh họa tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch;

c) Báo cáo tại hoạt động ngoại khóa, dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do trung tâm tổ chức cho học sinh theo quy mô khối lớp hoặc quy mô trường;

d) Bồi dưỡng học sinh giỏi hoặc dạy thêm cho học sinh có kết quả học tập môn học cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt;

đ) Bồi dưỡng học sinh tham gia các hội thi, cuộc thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Số tiết quy đổi cụ thể đối với các hoạt động chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này do Giám đốc quyết định bằng văn bản bảo đảm phù hợp với mức độ phức tạp, khối lượng công việc thực hiện.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có liên quan theo thẩm quyền được giao hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc của giáo viên quy định tại Thông tư này.

2. Giám đốc trung tâm quy định cụ thể chế độ làm việc của giáo viên, giáo viên giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của trung tâm và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ làm việc bảo đảm đúng quy định tại Thông tư này.

3. Đối với nhiệm vụ chưa được quy định chế độ giảm định mức tiết dạy theo Điều 8 hoặc chưa được quy đổi ra tiết dạy theo Điều 10 Thông tư này, giám đốc căn cứ vào mức độ phức tạp, khối lượng công việc của nhiệm vụ, dự kiến số tiết dạy quy đổi đối với nhiệm vụ đó và thông qua tại cuộc họp tập thể Trung tâm.

Sau khi có ý kiến thống nhất, giám đốc quyết định số tiết dạy quy đổi đối với nhiệm vụ và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo bằng văn bản.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các trung tâm, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Như khoản 3 Điều 12;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Phạm Ngọc Thưởng